

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18/9/2017

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quynh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Mai Tường Vi

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2017/TLST- HNGĐ ngày 24/7/2017 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị P, sinh năm: 1984; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Như T, sinh năm: 1970; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị P điều trình bày: Chị và anh Nguyễn Như T kết hôn vào năm trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống cùng với gia đình nhà chồng tại tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chơi bời, bỏ mặc con cho chị một mình chăm lo, nuôi dưỡng. Sau này chị còn phát hiện ra anh T nghiện ma túy, thường xuyên dùng tiền của gia đình để mua ma túy về sử dụng, thương con còn nhỏ chị cố gắng chịu đựng và nhẹ nhàng khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi, không cai được, nhiều lần anh T xin tiền chị để mua ma túy sử dụng, chị không có tiền cho thì anh T đe dọa, đánh đập chị. Để đảm

bảo tính mạng chị đã phải mang con đi thuê nhà trọ để ở, sống ly thân với anh T nhưng anh T không buông tha, vẫn đến kiểm soát gây sự, không để yên cho chị đi làm lấy tiền nuôi con. Chị cảm thấy áp lực, hoang mang và rất lo sợ nên từ tháng 10/2016 chị quyết định sống ly thân với anh T, chị về quê tại tỉnh P để sinh sống với mong muốn cắt đứt liên lạc nhưng anh T vẫn tiếp tục về quê để xúc phạm, chửi mắng chị và gia đình. Từ đó chị hoàn toàn mất niềm tin, không còn tôn trọng chồng, anh T thực sự không đem lại hạnh phúc cho mẹ con chị, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, được gia đình và khu phố hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Đến nay tình cảm của chị dành cho anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Như T.

+ Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Như H, sinh ngày xx/x/xxxx, từ khi sống ly thân anh T đe dọa không cho chị mang con chung đi cùng nên chị phải gửi con tại nhà chị gái anh T là Nguyễn Thị H, trú tại tổ B, khu B, phường C, thành phố C nhờ nuôi dưỡng hộ, chị thấy việc này không đảm bảo cho con chị phát triển về mọi mặt. Hiện nay con chung còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của chị, bản thân cháu cũng có nguyện vọng ở cùng với mẹ nên khi Tòa án giải quyết cho ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Do anh T nghiện chất ma túy, không có việc làm, không có thu nhập nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung. Hiện nay chị làm công nhân ở Công ty may mặc, thu nhập bình quân một tháng là 6.000.000 đồng, chị đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung. Khi chị nuôi dưỡng con chung thì anh T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh T sau kết hôn kinh tế rất khó khăn, anh T lại sử dụng chất ma túy nên không mua sắm được tài sản gì chung. Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Nguyễn Như T nhiều lần nhưng anh T cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh T, anh T không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Bị đơn - Anh Nguyễn Như T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Đinh Thị P và anh Nguyễn Như T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2005. Vợ chồng chung sống với nhau bình thường cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, đi vào con đường sử dụng trái phép chất ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế trong gia đình, anh T nhiều lần xin tiền chị P để sử dụng ma túy, chị P không có tiền cho thì anh T đe dọa, chửi bới, xúc phạm thậm chí còn đánh chị P khiến chị P rất lo sợ phải sống ly thân với anh T. Bản thân anh T khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh T cũng không có thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp tích cực gì để vợ chồng đoàn tụ nên chị P xin ly hôn anh T là hoàn toàn có căn cứ. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh T cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T.

Về con chung: Chị Đinh Thị P và anh Nguyễn Như T có một con chung là Nguyễn Như H, sinh ngày xx/x/xxxx. Xét thấy anh T không có quan điểm tại hồ sơ vụ án về việc nuôi con chung, mặt khác con chung của anh chị có nguyện vọng ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn, hiện chị P có việc làm và thu nhập ổn định nên điều kiện của chị P có thể nuôi con mà không gặp sự khó khăn hay trở ngại gì. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung là cháu Nguyễn Như H cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi). Quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét; Anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Đinh Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị P và anh Nguyễn Như T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Như H - Sinh ngày xx/x/xxxx cho chị Đinh Thị P có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Như T không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phòng đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 000xxxxx tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND P. C, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

